TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2018/DS-ST
Ngày: 22-5-2018
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản bằng tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;
Ông Nguyễn Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N. Trụ sở chính: 198, Trần Quang K, phường L, Quận H, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh P – chức vụ: Trưởng phòng Phòng giao dịch T, Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N, Chi nhánh C theo giấy ủy quyền số 04/UQ-VCB-CĐO.HCNS ngày 29/01/2018 của Giám đốc, Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N, chi nhánh C. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Phạm Nhất N, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm II, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP)

N trình bày:

Ngày 19/10/2016 ông Phạm Nhất N có ký hợp đồng tín dụng số 326/2016/TB.TH tại Phòng giao dịch Tịnh Biên, Ngân hàng TMCP N, chi nhánh C, nợ gốc là 3.450.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, Lãi suất: 06 tháng đầu áp dụng 7,5%/năm, từ tháng thứ 7 áp dụng lãi suất 9,60%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay, mục đích vay: Sản xuất lúa, chăn nuôi bò và kinh doanh dịch vụ nông nghiệp. Đến nay ông N đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu ông N trả nợ gốc 3.450.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 359.720.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 141.086.667 đồng, tổng vốn và lãi 3.950.806.667 đồng tính đến ngày 21/5/2018 (theo bảng kê lãi ngày 22/5/2018).

Để thực hiện biện pháp bảo đảm giao dịch, thì ông N ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 172/2016/TB ngày 19/10/2016 có chứng thực của Văn phòng công chứng T. Do đó, Ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Đối với yêu cầu của ông N xin giảm 200.000.000 đồng tiền lãi là không có cơ sở xem xét, nên Ngân hàng không đồng ý theo yêu cầu này của ông N.

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông N có ý kiến trình bày sau:

Thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 326/2016/TB.TH ngày 19/10/2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 172/2016/TB ngày 19/10/2016.

Theo trình bày của đại diện Ngân hàng thì tôi thống nhất còn nợ vốn gốc 3.450.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 349.600.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 136.026.667 đồng (nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/5/2018). Tổng vốn và lãi tính đến ngày 10/5/2018 là 3.935.626.667 đồng. Hiện nay tài sản thế chấp này do tôi đang quản lý.

Yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi 200.000.000 đồng và xin hẹn 3 tháng (đến ngày 11/8/2018) sẽ thanh toán cả vốn và lãi cho ngân hàng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng sau ngày 10/5/2018 cho đến khi hết nợ. Yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Bị đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần N (gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng, cho ông N vay tiền với mục đích là để Sản xuất lúa, chăn nuôi bò và kinh doanh dịch vụ nông nghiệp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 326/2016/TB.TH ngày 19/10/2016 và hợp đồng thế chấp số 172/2016/TB ngày 19/10/2016 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 11 và Điều 13 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước *"Về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng"* và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp.

Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến hạn, nên Ngân hàng yêu cầu trả vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng số 326/2016/TB.TH ngày 19/10/2016 là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 24, 25 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước. Do đó, yêu cầu của ông N xin giảm 200.000.000 đồng tiền lãi là không có cơ sở chấp nhận.

Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N trả nợ gốc 3.450.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 359.720.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 141.086.667 đồng, tổng vốn và lãi 3.950.806.667 đồng tính đến ngày 21/5/2018.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 172/2016/TB ngày 19/10/2016 để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nhưng ông Phạm Nhất N thuộc trường hợp người khuyết tật, nên được miễn án phí.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N. Buộc ông Phạm Nhất N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N, tổng cộng tiền vốn và lãi 3.950.806.667 đồng *(ba tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm lẽ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)* tính đến ngày 21/5/2018 (trong đó: số tiền vốn gốc 3.450.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 359.720.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 141.086.667 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2018 trên số nợ gốc theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng số 326/2016/TB.TH ngày 19/10/2016 cho đến khi trả dứt nợ.

- Duy trì hợp đồng thế chấp số 172/2016/TB ngày 19/10/2016 để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Nhất N được miễn tiền án phí. Ngân hàng TMCP N được nhận lại tiền tạm ứng án phí 53.380.000 đồng *(năm mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0004057 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP;

Võ Thị Ngọc Mỹ